

Bản án số: 138/2019/HS-PT

Ngày: 26 - 4 - 2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Lê Tự

***Các Thẩm phán:*** Ông Nguyễn Văn Tiến

Ông Võ Ngọc Thông

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thanh Thủy - Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:***  
Ông Đỗ Xuân Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 70/TLPT-HS ngày 28 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo: **Bùi Công Tuấn B** về các tội “Giết người”, “Cố ý gây thương tích”, “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 34/2018/HS-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

***- Bị cáo có kháng cáo:***

**Bùi Công Tuấn B**; sinh ngày: 03/12/1981 tại tỉnh Hòa Bình.

Nơi cư trú: Thôn 4, xã W, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn B1 (đã chết) và bà Bùi Thị B2; có vợ Vi Thị M1 và 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2008; bị cáo chung sống như vợ, chồng với chị Võ Yến D từ năm 2015 và có một con chung sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

**- Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2017, có mặt.**

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Hoàng Minh T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kon Tum, có mặt.

Ngoài ra còn có người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không có kháng cáo.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:***

Bùi Công Tuấn B chung sống như vợ, chồng với chị Võ Yến D (*sinh năm 1994, trú tại buôn C1, xã C2, huyện K, tỉnh Đắk Lắk*) từ năm 2015 đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nên chị D đưa cháu Võ Nguyễn Ngọc A (*sinh năm 2014, con riêng của chị D*) và cháu Bùi Ngọc A1 (*sinh năm 2016, con chung với Bùi Công Tuấn B*) về sống tại nhà bố, mẹ đẻ của mình tại buôn C, xã C2, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; sau đó chị D gửi cháu A cho bố, mẹ mình nuôi, rồi đi làm công nhân tại Công ty S ở thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Khoảng 10 giờ ngày 14/12/2017, Bùi Công Tuấn B đến nhà chị L (*sinh năm 1979, trú tại số 495 đường D, phường T1, thành phố K1, tỉnh Kon Tum*) thuê xe ô tô, tại đây B nói mình thuê xe để chở mẹ vợ về Quảng Ngãi chơi. Sau khi xem xét các giấy tờ liên quan, chị L đồng ý ký hợp đồng cho B thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu FORD, loại EVEREST, màu ghi vàng đen xám, biển kiểm soát 82A- 022.06 với giá 800.000 đồng/ngày (*tám trăm ngàn đồng/ngày*). Sau khi thuê được xe, B điều khiển xe đi đến tiệm cầm đồ BT tại số 44 đường T2, thành phố K1 cầm chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe hạng B2 và hồ sơ lái xe hạng B2 của mình lấy 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*) rồi điều khiển xe một mình đi đến buôn C, xã C2, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để tìm gặp chị Võ Yến D. Khoảng 14 giờ cùng ngày, B đi đến nhà chị D nhưng không vào nhà mà điều khiển xe đi đến rẫy của gia đình D gặp ông Võ Tấn T3 (*bố đẻ D*) nói chuyện. Trong lúc nói chuyện, B nói với ông T3 muốn đón cháu A đi chơi, ông T3 nói “Phải 16 giờ mới đón được”. Sau đó, B lái xe đến Trường mầm non BS thuộc buôn C, xã C2, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, nơi cháu A đang theo học và đón cháu A đi. Khi đi đến ngã ba NĐ thuộc huyện K, B gọi điện cho gia đình chị D thông báo việc mình đã chở cháu A đi và yêu cầu D đến gặp B để trả tiền và đón cháu A về; một lúc sau chị D gọi điện thoại lại cho B nói chuyện, trong lúc nói chuyện chị D nói “*Tôi không cần cha con ông nữa, cha con ông đi đâu thì đi đi*”, nghe vậy, B điều khiển xe ô tô 82A- 022.06 chở cháu A đến tỉnh Kon Tum. Trên đường đi, Bùi Công Tuấn B liên tục gọi điện thoại, nhắn tin cho chị D yêu cầu chị D đưa số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) để chuộc cháu A và đe dọa nếu không đưa tiền thì sẽ giết cháu A.

Chị Võ yến D nhận được thông tin trên nên từ Bình Dương về Đắk Lắk và đến Công an huyện K, tỉnh Đắk Lắk trình báo sự việc. Công an huyện K cử 01 tổ công tác

đi cùng với chị Võ Yến D đến tỉnh Kon Tum để giải cứu cháu Võ Nguyễn Ngọc A. Trong thời gian này, Bùi Công Tuấn B liên tục gọi điện thoại, nhắn tin hỏi thúc chị D đồng thời yêu cầu chị D di chuyển đến các địa điểm khác nhau. Đến khoảng 5 giờ 30 phút ngày 15/12/2017, Bùi Công Tuấn B gặp chị D tại thôn 5, xã H1, huyện Đ, tỉnh Kon Tum, B dừng xe trước cây xăng TP, lúc này chị D đi đến chỗ B dừng xe, B hạ cửa kính phía sau xuống, chị D cầm một túi nilong màu đen (*ngụy trang là số tiền 100.000.000 đồng*) ném vào trong xe ô tô, đồng thời kéo cháu A ra khỏi xe và bế cháu A bỏ chạy vào phía cây xăng TP. Thấy vậy, B cầm lấy con dao (*bằng kim loại màu trắng dài 20 cm, cán dao bằng kim loại dài 11 cm, lưỡi dao có đầu nhọn dài 9 cm*) để ở hộc đựng đồ của cửa xe bên tài rồi mở cửa xe để đuổi theo chị D; ngay lúc này, lực lượng Công an huyện K, tỉnh Đắk Lắk phối hợp với Công an huyện Đ và Phòng PC45 Công an tỉnh Kon Tum (đều không mặc đồng phục Công an và cũng không có lời nói, hành động gì thể hiện đang thực hiện công vụ) ập vào để khống chế Bùi Công Tuấn B, B dùng dao chống trả lại, đâm 01 (*một*) nhát vào ngực trái (*gần sát nách*) của anh Hoàng Bá H. Sau khi đâm anh H, B cầm dao chạy đuổi theo chị Võ Yến D và dùng dao đâm 01 (*một*) nhát vào phía sau cổ của chị D khiến chị D ngã xuống đất, B tiếp tục dùng dao đâm liên tiếp nhiều nhát vào vùng ngực, bụng của chị D. Lúc này, lực lượng Công an tiếp tục khống chế Bùi Công Tuấn B thì bị B dùng dao tấn công lại gây thương tích cho anh Hoàng Bá H và anh Y. Sau khi tổ công tác khống chế được Bùi Công Tuấn B, Công an huyện Đ đã lập biên bản phạm tội quả tang tại thôn 5, xã H1, huyện Đ, tỉnh Kon Tum và đưa B về trụ sở Công an huyện Đ làm việc.

Quá trình điều tra, Bùi Công Tuấn B đã khai nhận toàn bộ hành vi bắt cóc cháu Võ Nguyễn Ngọc A để đòi tiền chuộc và dùng dao đâm gây thương tích cho chị Võ Yến D, anh Hoàng Bá H và anh Y.

***Bản kết luận giám định pháp y bổ sung về thương tích bổ sung số 295/PY-TgT ngày 26/2/2018 của Trung tâm pháp y - Sở y tế tỉnh Đắk Lắk đối với anh Hoàng Bá H kết luận:***

- Đa thương, đứt gân cơ nhị đầu tay trái: 22%.
- Vật tác động: sắc nhọn.
- Tỷ lệ % thương tích (tổn thương cơ thể) là: 22% (*Bút lục số: 86*)

***Bản kết luận giám định pháp y bổ sung về thương tích bổ sung số 296/PY-TgT ngày 26/2/2018 của Trung tâm pháp y - Sở y tế tỉnh Đắk Lắk đối với chị Võ Yến D kết luận:***

- Đa thương, tràn khí màng phổi trái đã mổ dẫn lưu: 25%.
- Vật tác động: sắc nhọn.
- Tỷ lệ % thương tích (tổn thương cơ thể) là: 25% (*Bút lục số: 85*)

**Bản kết luận giám định pháp y bổ sung về thương tích bổ sung số 297/PY-TgT ngày 26/2/2018 của Trung tâm pháp y - Sở y tế tỉnh Đắk Lắk đối với anh Y kết luận:**

- Thương tích của nạn nhân được gây ra bằng ngoại lực với vật sắc nhọn.
- Vết thương cánh tay phải: 02%.
- Tỷ lệ % thương tích (tổn thương cơ thể) là: 02%. (Bút lục số: 87).

**Tại Công văn số 108/CV-TTPY ngày 20/7/2018 của Trung tâm pháp y - Sở y tế tỉnh Đắk Lắk giải thích kết quả giám định pháp y thương tích bổ sung như sau:**

1. Đối với chị Võ Yến D:

- Vết thương ngực trái đường rạch trước 2cm, thấu ngực, tràn khí màng phổi, đã được mổ đặt dẫn lưu màng phổi. Khám ghi nhận có sẹo xấu, dính ở ngực trái dài 2cm, sẹo mổ ở ngực trái dài 2x2cm; tức ngực, khó thở. Xác định tổn thương cơ thể từ ngoài vào trong gồm 03 phần:

- + Tổn thương da và cơ gian sườn tỷ lệ: 03%;
- + Tổn thương màng phổi tỷ lệ: 03%.
- + Tổn thương nhu mô phổi đơn thuần tỷ lệ: 10%.

Tỷ lệ các vết thương trên là 16%.

- Vết thương vùng cổ sau gáy dọc theo cột sống cổ để lại sẹo xấu, dính làm hạn chế tác động cổ, tỷ lệ tổn thương là 11%, cộng lùi 09%.

Vậy, tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của chị Võ Yến D là: 16+9=25%.

2. Đối với anh Hoàng Bá H:

- Vết thương rách da cơ khuỷu trái và đứt gân cơ nhị đầu tỷ lệ: 20%;
- Vết thương phần mềm ngực, lưng trái tỷ lệ: 03%, cộng lùi 02%.

Vậy, tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của Hoàng Bá H là: 20+02=22%.

3. Đối với anh Y:

- Vết thương rách da phần mềm khoảng 02cm ở cánh tay phải có tỷ lệ 02%.

Vậy, tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của Y là: 02%.

Căn cứ để xác định tỷ lệ thương tích trong các bản kết luận pháp y thương tích bổ sung là theo hồ sơ bệnh án và dấu vết di chứng để lại trên cơ thể bị hại.

*\* Về thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng:*

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ: 01 (Một) dao bằng kim loại màu trắng dài 20 cm, cán dao bằng kim loại dài 11 cm, lưỡi dao có đầu nhọn dài 9 cm; 01 (Một) xe ô tô BKS 82A-022.06, nhãn hiệu Ford, số loại Everest, màu sơn: ghi vàng đen xám; 01 (Một) Giấy chứng nhận bảo hiểm xe cơ giới BKS 82A-022.06, 01 (Một) Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô BKS 82A-022.06; 01 (Một) bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 00942; 01 (Một) thẻ ATM ngân hàng BIDV mang tên Bùi Công Tuấn B; 01 (Một) thẻ vay tiêu dùng tín chấp mang tên Bùi Công Tuấn B; 01 (Một) thẻ nhân viên taxi mang tên Bùi Công Tuấn B; 01 (Một) hộp đồng cầm đồ;

711.000 đồng (*Bảy trăm mười một ngàn đồng*) tiền Việt Nam; 01 (Một) chăn nhung; 01 (Một) cặp học sinh; 01 (Một) đôi giày trẻ em; 01 (Một) bộ quần áo trẻ em; 01 (Một) Trích lục giấy khai sinh của cháu Võ Nguyễn Ngọc A; 01 (Một) đôi dép màu đen; 05 (Năm) gói bánh hiệu Solite; 01 (Một) điện thoại di động Nokia 101 màu đen; 01 (Một) ba lô màu đen; 01 (Một) bao tải màu xanh; 01 (Một) sổ hộ khẩu số 350035277; 01 (Một) Chứng minh nhân dân mang tên Bùi Công Tuấn B; 01 (Một) Giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Bùi Công Tuấn B; 01 (Một) hồ sơ lái xe hạng B2 mang tên Bùi Công Tuấn B; 01 (Một) USB, đã được niêm phong bằng phong bì, bên ngoài phong bì có chữ CÔNG AN HUYỆN Đ; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, đã được niêm phong bằng phong bì, bên ngoài phong bì có chữ CÔNG AN HUYỆN K; 01 (Một) USB, đã được niêm phong bằng phong bì, bên ngoài phong bì có chữ CÔNG AN HUYỆN K.

*\*Về trách nhiệm dân sự:* Chị Võ Yến D, anh Hoàng Bá H, anh Y không yêu cầu bồi thường nên không đề cập đến.

**Tại bản án hình sự sơ thẩm số 34/2018/HS-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:**

Bị cáo Bùi Công Tuấn B phạm các tội “*Giết người*”; “*Cố ý gây thương tích*” và “*Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng: điểm e, n khoản 1 Điều 93, điểm b, p khoản 1 Điều 46, điểm e khoản 1 Điều 48, khoản 3 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 1999

Xử phạt: Bị cáo Bùi Công Tuấn B 10 (Mười) năm tù về tội “*Giết người*”.

- Áp dụng: Khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999

Xử phạt: Bị cáo Bùi Công Tuấn B 04 (Bốn) năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”.

- Áp dụng: Điểm đ, h khoản 2 Điều 134; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999

Xử phạt: Bị cáo Bùi Công Tuấn B 07 (Bảy) năm tù về tội “*Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản*”

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 1999, tổng hợp hình phạt của 03 tội, buộc bị cáo Bùi Công Tuấn B phải chịu 21 (Hai mươi một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 15/12/2017.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng; án phí; quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/11/2018, bị cáo Bùi Công Tuấn B nộp đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Bị cáo Bùi Công Tuấn B giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và bổ sung: bị cáo không có ý định giết người nên không phạm tội giết người.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu: Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm. Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo phạm 03 tội là có căn cứ, mức hình phạt không nặng, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xét bị cáo không có ý định giết người, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt. Mức hình phạt 10 năm tù đối với tội giết người là quá nặng. Vì vậy, đề nghị giảm hình phạt đối với tội giết người.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Công Tuấn B thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung của bản án sơ thẩm. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận:

[2] Vào ngày 14/12/2017, bị cáo Bùi Công Tuấn B đã có hành vi bắt cóc cháu Võ Nguyễn Ngọc A (sinh ngày 12/4/2014) và yêu cầu chị Võ Yến D (mẹ của cháu A) phải đưa cho B 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) để chuộc cháu A. Đến ngày 15/12/2017, trong lúc xô xát, chống cự với những người đến giải cứu cháu A, bị cáo B dùng dao đâm anh Hoàng Bá H một nhát trúng vào ngực trái sát bên nách, gây thương tích cho anh H với tỷ lệ thương tích là 22% và dùng dao gây thương tích cho anh A Yun với tỷ lệ thương tích là 02%.

[3] Với các hành vi trên, bị cáo đã phạm các tội “*Cố ý gây thương tích*” và tội “*Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điểm đ, h khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 1999 như Tòa án cấp sơ thẩm đã qui kết là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Đối với tội “*Giết người*”, tại phiên tòa bị cáo không thừa nhận có hành vi giết người mà chỉ nhận có hành vi cố ý gây thương tích. Căn cứ vào các chứng cứ và lời khai trong hồ sơ vụ án có thể xác định: Khi chị D bế cháu A chạy về phía cây xăng, bị cáo Bùi Công Tuấn B đã có hành vi bắt chập sự ngăn cản của người khác, quyết tâm cầm dao truy đuổi, đâm vào vùng cổ, ngực chị Võ Yến D là những vị trí trọng yếu của cơ thể con người. Vết thương mà B đâm chị D thấu ngực, tràn khí

màng phổi, do được cứu chữa kịp thời nên chị D không chết, tỷ lệ thương tích 25%. Bị cáo không có mục đích giết chị D, nhưng đâm vào những vị trí trọng yếu có thể dẫn đến chết người. Hành vi của B chỉ dừng lại khi B bị khống chế, bắt giữ; bị cáo có ý phạm tội đến cùng. Do đó, bị cáo B phải chịu hậu quả về hành vi giết người chưa đạt. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội : “*Giết người*” theo quy định tại điểm e, n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo, thấy rằng: Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, bắt người trái pháp luật, xâm phạm đến tài sản, tính mạng, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại. Đối với tội: “*Giết người*”, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 10 năm tù là không nặng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ mới; do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở giảm hình phạt cho bị cáo. Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo phải chịu.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Công Tuấn B.
  2. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 34/2018/HS-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.
  3. Tuyên bố: Bị cáo **Bùi Công Tuấn B** phạm các tội “*Giết người*”; “*Cố ý gây thương tích*” và “*Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản*”.
- 3.1 Áp dụng: điểm e, n khoản 1 Điều 93, điểm b, p khoản 1 Điều 46, điểm e khoản 1 Điều 48, khoản 3 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 1999.
- Xử phạt: Bị cáo Bùi Công Tuấn B 10 (Mười) năm tù về tội “*Giết người*”.
- 3.2 **Áp dụng:** Khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999; Khoản 3 Điều 7; điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.
- Xử phạt: Bị cáo Bùi Công Tuấn B 04 (Bốn) năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”.
- 3.3 **Áp dụng:** Điểm đ, h khoản 2 Điều 134; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999

Xử phạt: Bị cáo Bùi Công Tuấn B 07 (Bảy) năm tù về tội "*Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản*"

3.4 Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tổng hợp hình phạt của 03 tội, buộc bị cáo Bùi Công Tuấn B phải chịu 21 (Hai mươi một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 15/12/2017.

**4** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**5** Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Bùi Công Tuấn B phải chịu 200.000đ

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum ;
- Cục THADS tỉnh Kon Tum ;
- Bị cáo (gởi qua trại giam);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Lê Tự**